TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/DS-ST
Ngày: 21 - 7 - 2025
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm
Ông Hồ Quang Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 18, 21 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Lệ T, sinh năm 1969; Cư trú: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp C, xã K, tỉnh Cà Mau; có mặt).

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Đông Á, sinh năm 1971 (Có mặt);
- Bà Bùi Hồng V, sinh năm 1975 (Có mặt);
- Anh Nguyễn Tuấn B, sinh năm 1993;

Cùng cư trú: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp C, xã K, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Nguyễn Tuấn B: Ông Nguyễn Đông Á, sinh năm 1971; Cư trú: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp C, xã K, tỉnh Cà Mau; có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2025, 17/4/2025 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Lệ T trình bày:

Bà làm chủ hụi, có mở nhiều dây hụi, vợ chồng ông Nguyễn Đông Á, bà Bùi Hồng V và anh Nguyễn Tuấn B (Con ruột ông Á) có tham gia hụi, cụ thể:

- Ngày 19/8/2020 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng, 03 tháng khui một lần, tổng cộng 21 phần. Vợ chồng ông Á tham gia 01 phần, anh Tuấn B tham gia 01

phần. Dây hụi này đến tháng 7/2025 âm lịch sẽ mãn (Tính đến ngày xét xử còn 01 kỳ thì hụi mãn). Vợ chồng ông Á hốt hụi ở kỳ thứ 3 được số tiền 58.800.000 đồng (Đã trừ tiền hoa hồng). Anh Tuấn Bi hốt hụi ở kỳ thứ 12 được số tiền 73.150.000 đồng (Đã trừ tiền hoa hồng). Sau khi hốt hụi, vợ chồng ông Á và anh Tuấn B đóng hụi chết hết kỳ thứ 17, đã vi phạm nghĩa vụ đóng hụi chết 03 kỳ (Kỳ 18, 19, 20) với số tiền 30.000.000 đồng và 01 kỳ (Kỳ 21) chưa đến hạn với số tiền 10.000.000 đồng.

Bà yêu cầu vợ chồng ông Á thanh toán số tiền 20.000.000 đồng (5.000.000 đồng x 04 kỳ) và yêu cầu anh Tuấn B thanh toán số tiền 20.000.000 đồng (5.000.000 đồng x 04 kỳ). Tổng cộng là 40.000.000 đồng.

- Ngày 09/02/2022 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng, 03 tháng khui một lần, tổng cộng 16 phần. Vợ chồng ông Á tham gia 01 phần. Dây hụi này đến ngày 09/11/2025 âm lịch sẽ mãn (Tính đến ngày xét xử còn 02 kỳ thì hụi mãn). Vợ chồng ông Á hốt hụi ở kỳ thứ 01 được số tiền 47.000.000 đồng (Đã trừ tiền hoa hồng). Sau khi hốt hụi, vợ chồng ông Á đóng hụi chết hết kỳ thứ 11, đã vi phạm nghĩa vụ đóng hụi chết 03 kỳ (Kỳ 12, 13, 14) với số tiền 15.000.000 đồng và 02 kỳ (K, 16) chưa đến hạn với số tiền 10.000.000 đồng.

Bà yêu cầu vợ chồng ông Á thanh toán số tiền 25.000.000 đồng (5.000.000 đồng x 05 kỳ).

- Ngày 09/02/2023 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, tổng cộng 35 phần. Vợ chồng ông Á tham gia 01 phần. Dây hụi đến ngày 09/10/2025 âm lịch sẽ mãn (Tính đến ngày xét xử còn 05 kỳ thì hụi mãn). Vợ chồng ông Á hốt hụi ở kỳ thứ 02 được số tiền 42.900.000 đồng (Đã trừ tiền hoa hồng). Sau khi hốt hụi, vợ chồng ông Á đóng hụi chết hết kỳ thứ 21, đã vi phạm nghĩa vụ đóng hụi chết 09 kỳ (Kỳ 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30) với số tiền 18.000.000 đồng và 05 kỳ (Kỳ 31, 32, 33, 34, 35) chưa đến hạn với số tiền 10.000.000 đồng.

Bà yêu cầu vợ chồng ông Á thanh toán số tiền 28.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 14 kỳ).

- Ngày 09/01/2024 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, tổng cộng 29 phần. Vợ chồng ông Á tham gia 01 phần. Dây hụi đến ngày 09/5/2026 âm lịch sẽ mãn (Tính đến ngày xét xử còn 11 kỳ thì hụi mãn). Vợ chồng ông Á hốt hụi ở kỳ thứ 01 được số tiền 20.500.000 đồng (Đã trừ tiền hoa hồng). Sau khi hốt hụi, vợ chồng ông Á đóng hụi chết hết kỳ thứ 09, đã vi phạm nghĩa vụ đóng hụi chết 09 kỳ (Kỳ 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18) với số tiền 9.000.000 đồng và 11 kỳ (Kỳ 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29) chưa đến hạn với số tiền 11.000.000 đồng.

Bà yêu cầu vợ chồng ông Á thanh toán số tiền 20.000.000 đồng (1.000.000 đồng x 20 kỳ).

Tổng số tiền nợ hụi là 113.000.000 đồng, vợ chồng ông Á đã trả được cho bà số tiền 5.000.000 đồng, còn nợ số tiền 108.000.000 đồng. Do vợ chồng ông Á và anh Tuấn B không có thiện chí đóng hụi chết nên nay bà yêu cầu vợ chồng ông Á và anh Tuấn B trả nợ hụi tổng số tiền 108.000.000 đồng (Trong đó, số tiền hụi đã vi phạm là 67.000.000 đồng và số tiền hụi chưa đến hạn là 41.000.000 đồng).

Đồng thời, bà yêu cầu tính lãi trên số tiền hụi đã vi phạm là 67.000.000 đồng, từ ngày 20/10/2024 đến ngày xét xử 18/7/2025, theo mức lãi suất 1,66%/tháng, bằng số tiền 6.723.000 đồng.

Tại phiên toà, bị đơn ông Nguyễn Đông Á và bà Bùi Hồng V thống nhất trình bày:

- Ông bà thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Lệ T đối với các nội dung: Việc tham gia hụi, số phần hụi tham gia, kỳ hốt hụi, số tiền thực nhận sau khi hốt hụi là đúng, số kỳ hụi và số tiền hụi đã vi phạm nghĩa vụ đóng là 72.000.000 đồng, số tiền đã trả cho bà T là 5.000.000 đồng, số tiền nợ lại là 67.000.000 đồng.

- Ông bà đồng ý trả cho bà T số tiền 67.000.000 đồng. Không đồng ý trả cho bà T số tiền hụi chưa đến hạn thanh toán là 41.000.000 đồng, ông bà sẽ góp dần tại các kỳ hụi.

- Đối với lãi hụi: Ông bà đồng ý tính lãi trên số tiền hụi đã vi phạm là 67.000.000 đồng, từ ngày 20/10/2024 đến ngày 18/7/2025, với mức suất 1,66%/tháng, nhưng tiền lãi được xác định theo từng mốc vi phạm tại các kỳ hụi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Lệ T về việc đòi bị đơn ông Nguyễn Đông Á, bà Bùi Hồng V, anh Nguyễn Tuấn B trả nợ hụi số tiền 114.723.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên toà, bị đơn thừa nhận nợ nguyên đơn số tiền hụi là 67.000.000 đồng.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".

Do bị đơn thừa nhận nên nguyên đơn không phải chứng minh. Do bị đơn chưa trả cho nguyên đơn nên cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền này là phù hợp.

Đối với số tiền của các kỳ hụi chưa đến hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền của các kỳ hụi chưa đến hạn thanh toán là 41.000.000 đồng nhưng bị đơn không đồng ý trả một lần mà sẽ thanh toán dần tại các kỳ hụi.

Xét thấy, trong các dây hụi thì có 02 dây sắp đến hạn mãn và 02 dây chưa đến hạn mãn, tuy nhiên bị đơn ông Á, bà V, anh B đã vi phạm nghĩa vụ góp hụi chết nhiều kỳ (Vi phạm trong thời gian 09 tháng), không có thiện chí tiếp tục góp hụi chết ở các kỳ tiếp theo; do đó, để giải quyết toàn diện vụ án, tránh phát sinh thêm vụ án đối với các kỳ hụi chưa đến hạn và để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của chủ hụi là bà T, cần buộc ông Á, bà V, anh B trả cho bà T toàn bộ tiền hụi chết là phù hợp. Theo đó, ông Á, bà V, anh B phải trả cho bà T tổng số tiền hụi 41.000.000 đồng.

Đối với lãi hụi: Tại phiên toà, nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số tiền hụi đã vi phạm 67.000.000 đồng, từ ngày 20/10/2024 đến ngày 18/7/2025, với mức suất 1,66%/tháng và bị đơn đồng ý.

Khoản 2 Điều 22 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường quy định:

"2. Trường hợp đến kỳ mở họ mà thành viên đã lĩnh họ không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì phải trả lãi như sau:

a) Trường hợp họ không có lãi, lãi suất được xác định theo thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm góp họ trên thời gian chậm góp, nếu không có thỏa thuận thì lãi suất được xác định bằng 50%/năm mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm góp trên thời gian chậm góp.

b) Trường hợp họ có lãi, lãi suất được xác định theo mức quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự đối với họ có lãi".

Do yêu cầu về lãi, thời gian tính lãi, mức lãi suất các đương sự xác định là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đó, số tiền lãi được xác định là 6.723.000 đồng (Trong đó, dây hụi ngày 19/8/2020, loại 5.000.000 đồng bằng 2.988.000 đồng; dây hụi ngày 09/02/2022, loại 5.000.000 đồng bằng 1.494.000 đồng; dây hụi ngày 09/02/2023, loại 2.000.000 đồng bằng 1.494.000 đồng; dây hụi ngày 09/01/2024, loại 1.000.000 đồng bằng 747.000 đồng).

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền 114.723.000 đồng (Trong đó, tiền hụi đã vi phạm nghĩa vụ là 67.000.000 đồng, tiền hụi chưa đến hạn là 41.000.000 đồng, lãi hụi là 6.723.000 đồng).

[2] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn ông Á, bà V, anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 5.736.000 đồng (Làm tròn số).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Lệ T.

Buộc ông Nguyễn Đông Á, bà Bùi Hồng V, anh Nguyễn Tuấn B trả cho bà Nguyễn Lệ T số tiền 114.723.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng).

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Đông Á, bà Bùi Hồng V, anh Nguyễn T1 phải chịu án phí số tiền 5.736.000 đồng (Năm triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng), chưa nộp.

- Bà Nguyễn Lệ T không phải chịu án phí. Ngày 03/4/2025 bà T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005418 và ngày 08/5/2025 bà T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 1.905.000 đồng (Một triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005584 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau), được nhận lại.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà